

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2022/HS-PT

Ngày 22 - 9 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung.

Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 222/2022/TLPT-HS ngày 25/8/2022 đối với bị cáo Trần Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Minh T**, sinh năm 1975, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị K; có vợ là Đặng Thị C (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1963. Trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1976. Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T và bà Đặng Thị C kết hôn với nhau từ năm 1997 và đã ly hôn theo Quyết định số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L. Trong thời kỳ hôn nhân, T và bà C là chủ sử dụng đất của thửa số 501, tờ bản đồ số 06, diện tích 180m² tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 847734 do UBND huyện L cấp ngày 01/6/2007 và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 41, diện tích 7742,8m² tại xã Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 705105 do UBND huyện L cấp ngày 12/12/2011. Ngày 07/9/2018, vợ chồng T thế chấp quyền sử dụng 02 thửa đất trên để bảo đảm cho khoản vay 630.000.000 đồng tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch C.

Khoảng tháng 3/2020, qua quảng cáo trên mạng, T đã liên hệ qua điện thoại di động với một người phụ nữ để đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 5.000.000 đồng. T đã gửi bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 847734 cho bên nhận làm giấy tờ qua Zalo có tên “Cu Minh” để cung cấp thông tin cần làm giả; trong đó, T yêu cầu tăng diện tích đất từ 180m² lên 200m² và thay đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn trên Giấy chứng nhận giả. Khoảng 15 ngày sau, có người gọi điện thoại cho T để giao giấy tờ; sau khi đối chiếu giữa bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật số AG 847734 với Giấy chứng nhận giả, T xác định thông tin trên hai giấy chứng nhận là giống nhau, chỉ khác biệt về ký hiệu số CM 671291, diện tích tăng lên 200m² và mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, T đã thanh toán cho người giao hàng số tiền 5.000.000 đồng và mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cất vào két sắt của gia đình T.

Đến tháng 5/2020, Trần Minh T hỏi vay tiền ông Vũ Văn T1, ông T1 đồng ý cho vay 150.000.000 đồng với điều kiện phải thế chấp quyền sử dụng đất mà vợ chồng T đang ở. Ngày 14/5/2020, T cùng bà Đặng Thị C đến nhà ông T1 vay tiền; sau khi kiểm tra các thông tin trên giấy chứng nhận QSDĐ trùng khớp với địa chỉ mảnh đất mà vợ chồng T đang ở, ông T1 đã cho vợ chồng T vay số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay 30 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi. Sau đó, ông T1 trực tiếp viết giấy vay nợ có thể chấp với nội dung “*Trần Minh T và Đặng Thị C ngày 14/5/2020 vay ông T 150.000.000 đồng có thể chấp lại cho ông T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 501, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại buôn D, hẹn 30 ngày trả gốc và lãi đầy đủ, nếu*

sai hện tài sản thế chấp sẽ thuộc về ông T1”. Sau khi T và C ký tên vào giấy vay tiền, ông T1 giữ lại giấy vay tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 671291, rồi giao số tiền 150.000.000 đồng cho vợ chồng T. Sau khi vay được tiền, T đã sử dụng hết số tiền 150.000.000 đồng và không trả được nợ theo đúng thỏa thuận nên T đã gọi điện cho ông T1 xin khất nợ để trả tiền gốc sau và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận. Do nhiều lần đòi nợ nhưng T không trả tiền, nên đến ngày 23/6/2021, ông T1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 671291 mang tên Trần Minh T và Đặng Thị C, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại buôn D, xã Đ, huyện L, có diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, cấp ngày 10/7/2010 do ông Lữ Văn T, Chủ tịch UBND huyện L ký cấp, đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để xác định vị trí thửa đất nói trên thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy giả nên ông T1 đã làm đơn trình báo lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L.

Ngày 20/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc ra Quyết định trưng cầu giám định số 42/QĐ-CQCSĐT để giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 671291. Tại Kết luận giám định số 871/KLGD-PC09 ngày 01/9/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 671291 mang tên Trần Minh T và Đặng Thị C là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh T 03 (Ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/7/2022, bị cáo Trần Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Minh T 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng tù theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và mức hình phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ pháp lý kết luận: Xuất phát từ làm ăn thua lỗ, nợ nần, bị cáo Trần Minh T đã thuê người làm giả giấy tờ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 671291 mang tên Trần Minh T và Đặng Thị C, dựa trên thông tin của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 847734 do UBND huyện L cấp ngày 01/6/2007 mang tên Trần Minh T và Đặng Thị C là giấy thật nhưng hiện đang thế chấp vay ngân hàng. Đến ngày 14/5/2020, T đã dùng giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 671291 để thế chấp vay tiền của ông Vũ Văn T1 để chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông Vũ Văn T1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả*”

của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét nhân thân hoàn cảnh gia đình của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mức hình phạt 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 03 (Ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- T.H.A.H.S Công an huyện L;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Văn Công Dân